

Số: 46 /2015/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 07 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng Phí thư viện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục và khung mức thu, mức thu tối đa các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 1436/HĐND-KTXH ngày 02 tháng 10 năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu, quản lý và sử dụng Phí thư viện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của Ủy ban

nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ thu, quản lý và sử dụng Phí thư viện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, VXD, TH Hùng (b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Tiến Phương

QUY ĐỊNH

**Mức thu, quản lý và sử dụng Phí thư viện
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2015/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết mức thu, việc thu nộp, quản lý và sử dụng đối với Phí thư viện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (sau đây viết tắt là Phí).

2. Đối với các hoạt động dịch vụ khác, như: Dịch thuật, sao chụp tài liệu, khai thác sử dụng mạng thông tin thư viện trong nước và quốc tế, lập danh mục tài liệu theo chuyên đề, cung cấp các sản phẩm thông tin đã được xử lý theo yêu cầu bạn đọc, vận chuyển tài liệu cho bạn đọc trực tiếp hoặc qua bưu điện,... là giá dịch vụ, thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu.

Điều 2. Đối tượng nộp Phí

Là cá nhân sử dụng tài liệu thuộc phạm vi quản lý của Thư viện công cộng cấp tỉnh và cấp huyện. Người sử dụng tài liệu tại Thư viện công cộng (hoặc Phòng đọc sách) xã, phường, thị trấn không thuộc đối tượng nộp phí.

Điều 3. Tổ chức thu Phí

Là Thư viện tỉnh Bình Thuận, Thư viện (Trung tâm Văn hóa – Thể thao) huyện, thị xã, thành phố.

Điều 4. Đối tượng được miễn, giảm nộp Phí

1. Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

2. Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa.

- Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ.

- Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

Chương II

MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ THƯ VIỆN

Điều 5. Mức thu Phí

1. Phí thẻ đọc, thẻ mượn tài liệu đối với bạn đọc thiếu nhi (từ 06 tuổi đến dưới 16 tuổi): 15.000 đồng/thẻ/năm.

2. Phí thẻ đọc, thẻ mượn tài liệu đối với bạn đọc là người lớn (từ đủ 16 tuổi trở lên): 30.000 đồng/thẻ/năm.

3. Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đọc đặc biệt khác, bằng 04 lần mức thu phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền Phí

1. Tùy theo tình hình thu Phí, mà hàng ngày hoặc chậm nhất trong vòng một tuần lễ, tổ chức thu phải nộp toàn bộ số tiền thu phát sinh vào “Tài khoản tạm giữ tiền phí, lệ phí” mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Đơn vị thu phí được để lại 100% cho tổ chức thu. Đơn vị sử dụng số thu Phí được để lại để chi các nội dung sau:

- Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc quản lý cấp thẻ, thu Phí: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và công đoàn phí), trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

- Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện công việc quản lý cấp thẻ, thu Phí như văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí (chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú) theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho thực hiện công việc quản lý cấp thẻ, thu Phí.

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc quản lý cấp thẻ, thu Phí.

3. Tiền Phí để lại là nguồn kinh phí thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của đơn vị thu, được quản lý sử dụng theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước. Sau khi trang trải các khoản chi phí phục vụ công việc quản lý cấp thẻ, thu Phí, phần kinh phí còn lại bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ của đơn vị. Trường hợp tiết kiệm được kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn thu Phí để lại, kinh phí ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu hợp pháp khác theo quy định - nếu có), đơn vị sử dụng để tăng thu nhập, chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn đột xuất, chi thêm khi thực hiện tinh giản biên chế cho người lao động, chi lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập theo quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính.

4. Hàng năm, tổ chức thu lập dự toán thu, chi gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành. Hàng năm phải quyết toán thu chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau tiếp tục chi theo chế độ quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7.

Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai và các nội dung khác chưa được quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 8.

Trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để được điều chỉnh, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Tiến Phương